TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2024
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.

2. Ông Hà Văn Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13 /2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 11/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *NgU đơn*: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

-*Bị đơn:* Anh Lò Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20/10/2023 và bản tự khai ngày 20/10/2023 ngU đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Chị và anh Lò Văn H kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 12 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh

phúc được 05 năm thì sảy ra mâu thuẫn. NgU nhân do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, anh H chơi bời không quan tâm đến gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân được 06 năm. Xét thấy tình cảm không còn nên chị D đề nghị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Lò Thị Y Chi, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009 và Lò Thị Nhã U, sinh ngày 26/7/2013. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lò Văn H hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng anh H đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị D đối với anh H. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú, kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị D và anh H về chung sống với nhau tại Bản T, xã C, huyện Sông Mã, hiện nay anh H vẫn có hộ khẩu cư trú tại đây, tuy nhiên anh H đang đi làm thuê không thường xuyên có mặt ở nhà, hai vợ chồng đang sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm nội dụng vu án:

Về nội dung vụ án: Chị D và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2008 trên cơ sở tự nguyện do UBND xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp giấy đăng ký kết hôn, căn cứ các điều 8,9 luật hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. NgU nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân, quan điểm giải quyết nội dụng vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh H đã trầm trọng, việc ngU đơn vẫn giữ ngU quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yều cầu một bên. Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị D, tU xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Giao các con chung là Lò Thị Y Chi, sinh ngày 22/12/009 và Lò Thị Nhã U, sinh ngày 26/7/2013 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí xét xử sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Bị đơn anh Lò Văn H có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn, chị Hoàng Thị D khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Lò Văn H. Vì vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị D xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Lò Văn H đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh H đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D kết hôn với anh Lò Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên năm 2008. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị D và anh H sống không hạnh phúc, trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xU cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân được 06 năm. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc cho chị D ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Lò Thị Y Chi, sinh ngày 22/12/009 và Lò Thị Nhã U, sinh ngày 26/7/2013. Chị D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng; bên cạnh đó, quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi

chị D và anh H ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu vẫn do chị D thực hiện đúng như chị D đã trình bày, con chung vẫn được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ. Tại biên bản lấy lời khai hai cháu Lò Thị Y Chi và Lò Thị Nhã U đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục để 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: NgU đơn nên phải chịu án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D đối với anh Lò Văn H.

- Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Lò Văn H.

- Giao các con chung là Lò Thị Y Chi, sinh ngày 22/12/009 và Lò Thị Nhã U, sinh ngày 26/7/2013 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hoàng Thị D, nhưng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000734 ngày 20/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: NgU đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Quyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; Ông Hà Văn Cương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn giữa:

- *NgU đơn*: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

-*Bị đơn:* Anh Lò Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về quan hệ pháp luật**:** Xin ly hôn; Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về Điều luật áp dụng**:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Lò văn H; Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung. Giao các con chung là Lò Thị Y Chi, sinh ngày 22/12/009 và Lò Thị Nhã U, sinh ngày 26/7/2013 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàng Thị D và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết; Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về nợ chung: Không có; Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000734 ngày 20/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Về quyền kháng cáo: NgU đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 17 giờ 15 phút, ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Vân **Hà Văn Cương** **Lường Văn Quyết**

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xê P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Quyết